

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1986; địa chỉ: 86 đường C, tổ 2, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thái P, sinh năm 1981; địa chỉ: 68 đường Đ, thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 19-4-2019, bản tự khai ngày 07-5-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Phạm Thái P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 29-8-2011.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh P hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi việc. Hiện tại đời sống chung vợ chồng không thể hòa hợp, bản thân chị nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh P được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thái P.

Chị và anh Phạm Thái P có một con chung là cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 19-9-2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Tại bản tự khai ngày 27-5-2019 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Thái P trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Mỹ D tự nguyện tìm hiểu, quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 29-8-2011.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị D hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị D không hiểu nhau, không thống nhất được một số vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng; mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên đề vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, dẫn đến việc chị D về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm thương yêu chị D, anh muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc, kinh tế gia đình, cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị D. Đồng thời, anh theo đạo Thiên chúa giáo nên anh không đồng ý ký tên vào biên bản thuận tình ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D.

Anh và chị Phạm Thị Mỹ D có một con chung là cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 19-9-2013. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị D ly hôn, anh chấp nhận giao con cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị D ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Mỹ D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Phạm Thái P. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ D đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Anh Phạm Thái P cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái P tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 29-8-2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái P phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay.

Anh Phạm Thái P khai rằng anh vẫn còn tình cảm thương yêu chị Phạm Thị

Mỹ D, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc, kinh tế gia đình, cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc con cái, đồng thời anh là người theo đạo Thiên chúa giáo nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Phạm Thị Mỹ D kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của chị Phạm Thị Mỹ D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bên đương sự cùng với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đều đã thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái P là có thật, phát sinh từ sự không hiểu và không đồng cảm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn này kéo dài và tích tụ qua thời gian nhưng cả hai bên vợ chồng không có ai có biện pháp gì tích cực và có hiệu quả để cải thiện, vợ chồng không còn lòng tin và tình cảm yêu thương nhau nữa, nên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái P là không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ D về việc được ly hôn với anh Phạm Thái P là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con và cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái P một con chung là cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 19-9-2013.

Anh Phạm Thái P chấp nhận giao con chung cho chị Phạm Thị Mỹ D trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, chị Phạm Thị Mỹ D có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con; nguyện vọng của các đương sự là chính đáng, đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phạm Thiên P cho chị Phạm Thị Mỹ D tiếp tục trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ D là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ D; chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn anh Phạm Thái P.

2. Giao cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 19-9-2013 cho chị Phạm Thị Mỹ D trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001407 ngày 07-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Phạm Thị Mỹ D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 111 ngày 29-8-2011);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền